

NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO Ở CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CỦA VIỆT NAM

Đinh Thị Nga*, Hoàng Phan Hải Yên

Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Vinh, Việt Nam

ARTICLE INFORMATION TÓM TẮT

Journal: Vinh University

Journal of Science

ISSN: 1859-2228

Volume: 53

Issue: 1C

***Correspondence:**

mainga1010@gmail.com

Received: 13 October 2023

Accepted: 23 November 2023

Published: 20 March 2023

Citation:

Đinh Thị Nga, Hoàng Phan Hải Yên (2023). Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo ở các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam.

Vinh Uni. J. Sci.

Vol. 53 (1C), pp. 5-16

doi: 10.56824/vujs.2023c125

OPEN ACCESS

Copyright © 2023. This is an Open Access article distributed under the terms of the [Creative Commons Attribution License \(CC BY NC\)](#), which permits non-commercially to share (copy and redistribute the material in any medium) or adapt (remix, transform, and build upon the material), provided the original work is properly cited.

Chương trình đào tạo (CTĐT) là yếu tố then chốt quyết định chất lượng đào tạo, đồng thời kiểm định chất lượng CTĐT cũng đã trở thành quy định bắt buộc trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay. Trong kiểm định chất lượng CTĐT theo chu trình PDCA (Plan - Do - Check - Act) thì cải tiến chất lượng (Act) là khâu cuối cùng của chu trình này để bắt đầu một chu trình mới. Cải tiến chất lượng CTĐT là việc thực hiện các giải pháp để nâng cao điều kiện đầu vào, chất lượng của quá trình và chất lượng đầu ra của CTĐT. Bằng phương pháp và hình thức lấy ý kiến các bên liên quan, các chuyên gia trong lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục, phân tích các báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài, bài báo làm rõ thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT ở các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam.

Từ khóa: Cải tiến chất lượng; đảm bảo chất lượng; chương trình đào tạo; cơ sở giáo dục đại học.

1. Mở đầu

Ngày nay, hầu hết các trường đại học trên thế giới đều áp dụng hình thức kiểm định chất lượng, được thực hiện thông qua áp dụng một bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng để đối sánh và kiểm định chất lượng CTĐT. Quy trình đánh giá bao gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, thẩm định kết quả đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng. Tại Hoa Kỳ, từ năm 1951, các tổ chức hiệp hội chuyên môn đã xây dựng các tiêu chuẩn chỉ báo theo các ngành nghề khác nhau như: Y khoa, Nha khoa, Luật, Quản trị kinh doanh... nhằm định hướng các trường thực hiện tốt công tác bảo đảm chất lượng (BĐCL). Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện đánh giá CTĐT theo các tiêu chuẩn này (Nguyễn Thị Khánh Trinh, 2020). Tại châu Âu, từ những năm cuối thế kỷ XX, các cơ quan đánh giá, kiểm định chất lượng CTĐT cùng với sự hỗ trợ của các cơ sở giáo dục đã xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí và bộ chỉ số đánh giá chất lượng cho từng CTĐT. Vào năm 2000, Hiệp hội BĐCL giáo dục châu Âu - ENQA được thành lập. Các thành viên của ENQA đều là những tổ chức

kiểm định chất lượng giáo dục tại khối giáo dục bậc cao của Châu Âu (ENQA, 2021). Ở khu vực Đông Nam Á, mạng lưới các trường đại học đã xây dựng Bộ tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng CTĐT (AUN-QA) để đánh giá các CTĐT, không phân biệt khối ngành hay ngành đào tạo, chú trọng vào hoạt động giảng dạy và học tập với các hướng tiếp cận: chất lượng đầu vào, chất lượng của quá trình và chất lượng của đầu ra (AUN-QA, 2015).

Ở Việt Nam, hoạt động kiểm định chất lượng CTĐT đã được quan tâm từ sau khi Đảng và Nhà nước ta thực hiện đổi mới toàn diện ngành Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), chính thức được đề cập và cụ thể hóa trong Luật Giáo dục đại học và trở thành hoạt động bắt buộc đối với tất cả các cơ sở giáo dục. Để thực hiện những thay đổi nói trên, quyền tự chủ học thuật đã được trao cho các cơ sở giáo dục trong khuôn khổ khung BDCL dựa trên Bộ chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017), Bộ chuẩn kiểm định CTĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016) và các văn bản liên quan (Quốc hội, 2018).

Trong quy định về chuẩn CTĐT cũng như công tác kiểm định chất lượng CTĐT, hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT là nhiệm vụ bắt buộc phải thực hiện sau khi tự đánh giá và đánh giá ngoài. Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Điều 13, khoản 1 về triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá, nêu rõ *“Thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng được đề ra trong báo cáo tự đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo”* (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013); cũng trong Thông tư này, tại Điều 19 về sử dụng kết quả đánh giá ngoài và đánh giá lại quy định *“Kết quả đánh giá ngoài và đánh giá lại (nếu có) được sử dụng làm cơ sở để cơ sở giáo dục có chương trình đào tạo được đánh giá thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và để Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định, đề nghị xem xét, công nhận hoặc không công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục”* (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013). Đề cập đến nội dung này, Điều 19 trong Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học cũng quy định *“Chương trình đào tạo phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được cơ sở đào tạo áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo”* (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021).

Theo thống kê của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến hết tháng 11 năm 2023, cả nước có 1.566 CTĐT trình độ đại học thuộc 170 cơ sở giáo dục đại học được đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, trong đó có 1105 CTĐT đánh giá theo tiêu chuẩn trong nước, 461 CTĐT đánh giá theo tiêu chuẩn nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo 2023). Qua nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài theo tiêu chuẩn trong nước của 200 CTĐT thuộc các trường đại học vừa được thống kê nêu trên, bên cạnh các điểm mạnh mà các báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài đã chỉ ra như: các CTĐT đã định kỳ triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài các CTĐT theo đúng mục tiêu đặt ra, nhiều CTĐT được kiểm định chất lượng giáo dục, xếp hạng và gắn sao; Hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT bước đầu được ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong việc xử lý các số liệu, thu thập dữ liệu, minh chứng, số hoá minh chứng để thuận lợi trong việc quản lý, trích xuất phục vụ việc ra quyết định; Các CTĐT có mục tiêu, chuẩn đầu ra rõ ràng và được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra...thì vẫn còn tồn tại các hạn

chế nhất định như: Quy trình, hướng dẫn rà soát định kỳ và giám sát cải tiến CTĐT trên cơ sở đánh giá, điều tra khảo sát xã hội, mức độ hài lòng của các bên liên quan còn chưa chặt chẽ; Chưa có nhiều CTĐT liên kết với các trường đại học của nước ngoài, số lượng CTĐT chất lượng cao, CTĐT tiên tiến để đảm bảo phát triển theo tầm nhìn, sứ mạng mà Nhà trường đã tuyên bố còn ít. Số lượng các CTĐT đại học đạt chứng nhận kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn khu vực và quốc tế còn khiêm tốn (chưa đến 10% theo quy định). Nhiều cơ sở giáo dục chưa có CTĐT tiến sĩ và CTĐT từ xa được kiểm định chất lượng. Việc lấy ý kiến của người học sau khi tốt nghiệp và các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động khi xây dựng, phát triển các CTĐT đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ và theo hệ thống. Phương pháp kiểm tra, đánh giá chưa đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học, quá trình chuyển đổi số diễn ra còn chậm...

Nhận thức được những vấn đề đó, các cơ sở giáo dục đại học đã liên tục thực hiện công tác cải tiến chất lượng song song với hoạt động kiểm định chất lượng CTĐT. Hoạt động cải tiến chất lượng được thực hiện bởi đầu mối là các đơn vị chuyên trách về bảo đảm chất lượng ở các cơ sở giáo dục đại học với các tên gọi khác nhau như : Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Phòng Quản lý chất lượng, Trung tâm Đảm bảo chất lượng... và các đơn vị phòng ban, các khoa/viện/trường thuộc - những đơn vị đào tạo có CTĐT được kiểm định chất lượng. Ngoài ra, hoạt động cải tiến chất lượng còn được kiểm tra, giám sát bởi bộ phận Thanh tra - Pháp chế, lãnh đạo Nhà trường, các Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục và Cục quản lý chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua các báo cáo hàng năm. Từ những tồn tại nêu trên việc nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT ở các cơ sở giáo dục của Việt Nam có ý nghĩa quan trọng.

2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu của bài báo được tính toán, phân tích từ các nguồn như: Báo cáo tự đánh giá và Báo cáo đánh giá ngoài của 200 CTĐT đã đạt chứng nhận kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn trong nước của 144 cơ sở giáo dục đại học giai đoạn từ 2017-2023 (Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng, 2022, 2023; Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023; Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam, 2023); Báo cáo tổng kết công tác bảo đảm chất lượng giáo dục hàng năm của các cơ sở giáo dục đại học được công khai trên website của các cơ sở giáo dục đại học; Các bài báo trên các tạp chí có liên quan đến công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng CTĐT (Nguyễn Thị Khánh Trinh, Đặng Thị Vân, 2020),... Từ các báo cáo này tác giả tiến hành thống kê, tổng hợp và sau đó so sánh, nhận xét và phân tích. Tất cả các dữ liệu được thu nhập trong giai đoạn từ 2017 đến 2023.

Để đạt được hiệu quả cao trong nghiên cứu, bài báo đã sử dụng kết hợp các phương pháp như:

- Phương pháp thu thập, thống kê, xử lý tài liệu: Số liệu, tài liệu được thu thập, thống kê thông qua: (1) Báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài của 200 CTĐT thuộc 144 cơ sở giáo dục; (2) Báo cáo tổng kết công tác bảo đảm chất lượng giáo dục của các cơ

sở giáo dục đại học; (3) Báo cáo tổng kết năm học và kết quả lấy ý kiến của các đơn vị trong các cơ sở giáo dục đại học được công khai trên Website của các trường đại học.

- Phương pháp phân tích tổng hợp: Trên cơ sở tài liệu đã thu thập được ở trên, tác giả tiến hành phân tích, tổng hợp để có những nội dung chính xác, đảm bảo tin cậy, từ đó có thể đưa ra những nhận định và đánh giá đúng về thực trạng công tác cải tiến chất lượng CTĐT tại các cơ sở giáo dục đại học.

- Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia: Phương pháp này được dùng để khảo sát, tìm hiểu trực tiếp các vấn đề được đề cập đến trong nội dung nghiên cứu. Tác giả lấy ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực BDCL và kiểm định chất lượng giáo dục đến từ các Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục và các chuyên gia BDCL thuộc các Trung tâm BDCL của các trường đại học trong nước. Tổng số 15 chuyên gia đã được hỏi ý kiến với các hình thức khác nhau như thông qua phỏng vấn, trao đổi tại các đợt đánh giá ngoài, các Hội nghị chuyên đề; thông qua gọi điện thoại hoặc email và nhận câu trả lời trực tiếp hoặc gián tiếp về thực trạng và các giải pháp cho công tác cải tiến chất lượng CTĐT để có định hướng và cơ sở khi đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng CTĐT.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Vai trò của hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các yêu cầu và thách thức về công tác BDCL đặt ra cho giáo dục đại học ngày càng cao hơn. Phần lớn các trường đại học ở Việt Nam hiện nay đều thực hiện bảo đảm chất lượng CTĐT theo chu trình PDCA (Plan - Do - Check - Act). Đây là một chu trình quản lý chất lượng CTĐT theo bốn bước: Plan - Lập kế hoạch, Do - Thực hiện kế hoạch, Check - Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, Act - Thực hiện điều chỉnh, cải tiến thích hợp, sau đó bắt đầu lại việc lập kế hoạch và thực hiện chu trình PDCA mới (PDCA, 2022). Như vậy, cải tiến chất lượng là khâu cuối cùng trong chu trình này nhưng lại là điểm mấu chốt để bắt đầu một chu trình PDCA mới và giữ vai trò rất quan trọng trong phát triển CTĐT.

Cải tiến chất lượng CTĐT là một trong những thành tố quan trọng trong việc xây dựng và phát triển hệ thống BDCL bên trong của một trường đại học. Cải tiến chất lượng CTĐT giúp cơ sở giáo dục đại học cải thiện chất lượng dịch vụ giáo dục, tăng cường sự hài lòng của người học và phụ huynh, tăng cường năng suất và hiệu quả làm việc của giảng viên và nhân viên, tăng cường uy tín cũng như vị thế của trường đại học trong cộng đồng. Hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT giúp các cơ sở giáo dục đại học cập nhật kịp thời các công nghệ mới và tiên tiến, đồng thời nâng cao khả năng thích ứng với sự thay đổi và tình hình mới trong giáo dục. Cải tiến chất lượng CTĐT giúp tăng cường khả năng cạnh tranh và nâng cao chỉ số xếp hạng trên hệ thống giáo dục đại học của các cơ sở giáo dục đại học, từ đó thu hút được các nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như người học có nền tảng tốt. Ngoài ra, một CTĐT liên tục được cải tiến sẽ tạo ra một môi trường học tập, nghiên cứu và làm việc tích cực, khuyến khích sự sáng tạo cũng như khai thác tối đa tiềm năng của giảng viên, nhân viên và sinh viên. Tất cả những điều đó sẽ tăng cường sự hài lòng của các bên liên quan và cải thiện chất lượng cuộc sống, sản xuất, kinh tế của xã hội.

Hoạt động cải tiến góp phần nâng cao chất lượng CTĐT. Trước các tác động từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 buộc các cơ sở giáo dục phải thực hiện cải tiến mọi hoạt động của nhà trường trong đó đặc biệt là CTĐT. Cải tiến chất lượng CTĐT được thực hiện liên tục từ cấu trúc chương trình, mục tiêu, chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, giáo dục, kiểm tra đánh giá... đến các điều kiện đầu vào, quản lý chất lượng đầu ra phù hợp với khung trình độ quốc gia; triển khai các giải pháp nâng cao khả năng có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp; công bố các điều kiện đảm bảo chất lượng, tỷ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp; các sản phẩm khoa học công nghệ... Từ những hoạt động đó giúp CTĐT được đổi mới liên tục và chất lượng luôn được đảm bảo.

Hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT là minh chứng tin cậy nhất để chứng minh cho các chuyên gia đánh giá chất lượng CTĐT biết quá trình biến đổi về chất của CTĐT và khẳng định vị thế của CTĐT trước các bên liên quan. Đồng thời, ở cấp độ quản lý CTĐT, việc sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến chất lượng giáo dục của các trường đại học là bắt buộc đối với mọi CTĐT. Thực hiện quy định về chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; căn cứ vào kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, các CTĐT sẽ phải báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục các CTĐT đã được đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng định kỳ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020).

3.2. Thực trạng công tác cải tiến chất lượng chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học

Đến tháng 11/2023, cả nước đã có 1566 CTĐT triển khai hoạt động tự đánh giá và đã hoàn thành đánh giá ngoài, trong đó 1105 CTĐT đạt chứng nhận kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn trong nước và 461 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn quốc tế, với trên 90% tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu. Sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá hoặc đạt chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT, các đơn vị chuyên trách về BDCL của cơ sở giáo dục đã tham mưu cho cơ sở giáo dục triển khai xây dựng kế hoạch cải tiến chi tiết (theo mẫu gợi ý của các Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục) nhằm phát huy điểm mạnh và khắc phục những hạn chế theo các khuyến nghị trong báo cáo đánh giá ngoài. Các nội dung cải tiến được cụ thể hóa, thể hiện rõ yêu cầu và kết quả đạt được, thời gian thực hiện, các nguồn lực cần thiết cho việc thực hiện, sự phân công tập thể (nhóm)/cá nhân chủ trì, phối hợp.

Từ các kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài các CTĐT, các đơn vị chuyên trách về BDCL đã yêu cầu các đơn vị thực hiện và các đơn vị phối hợp bám sát kế hoạch cải tiến, mô tả các hoạt động/nội dung đã được cải tiến theo các khuyến nghị, thống kê và phân tích nguyên nhân đối với các nội dung chưa được thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng kết quả chưa đạt được như mong muốn, tự đánh giá mức độ đạt được theo thang điểm được quy định (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016). Trên cơ sở các yêu cầu đó, hàng năm các đơn vị được giao nhiệm vụ báo cáo kết quả cải tiến và gửi sản phẩm minh chứng về đơn vị chuyên trách BDCL để tổng hợp, báo cáo Nhà trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến nay, kế hoạch cải tiến ở các cơ sở giáo dục đã được xây dựng và ban hành cho 100% CTĐT được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục, thực hiện hàng năm việc báo cáo kết quả cải

tiền của từng CTĐT và thực hiện báo cáo giữa kỳ sau 2,5 năm kể từ khi nhận chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục.

Tuy vậy, kết quả cải tiến vẫn chưa đạt được như mong đợi. Vẫn còn có một số khuyến nghị chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa đồng bộ, tiếp tục lặp lại ở các CTĐT thực hiện đánh giá sau đó hay như có một số nhóm nội dung ở các CTĐT trước đó được đánh giá vượt trội nhưng không còn giữ được điểm vượt trội ở các CTĐT đánh giá sau. Qua tổng hợp báo cáo đánh giá ngoài của 200 CTĐT đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục, những khuyến nghị tập trung vào các vấn đề sau đây:

- Cần quan tâm hơn nữa đến chất lượng khi xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT. Chất lượng việc xây dựng, công bố Bản mô tả và Đề cương các CTĐT chưa thực sự cao, ổn định, một số Bản mô tả và Đề cương các học phần có điểm vượt trội ở giai đoạn trước đã không còn giữ được số điểm cao đối với các CTĐT đánh giá sau. Chất lượng việc xác định đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được Chuẩn đầu ra và việc xây dựng Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp là chưa cao, cần được quan tâm cải tiến. Cần quan tâm hơn nữa đối với các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Cần cải thiện chất lượng các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và nâng cao chất lượng đối với việc phản hồi kết quả đánh giá kịp thời để người học cải thiện việc học tập;

- Cần xây dựng các chính sách thu hút, tuyển dụng và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đáp ứng sứ mệnh, mục tiêu của cơ sở giáo dục. Cần tiếp tục phát huy việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và quản trị theo kết quả công việc (gồm cả khen thưởng và công nhận) để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng;

- Thư viện và các nguồn học liệu; phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị cũng cần được cập nhật và bổ sung để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu;

- Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến;

- Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học cần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng;

Qua nghiên cứu gần 50 kế hoạch cải tiến so với báo cáo đánh giá ngoài CTĐT đến từ các cơ sở giáo dục đại học trên cả nước, một số tồn tại nhận thấy như sau:

- Việc xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau đánh giá ngoài vẫn còn tình trạng chưa bám sát với khuyến nghị của các chuyên gia trong báo cáo đánh giá ngoài. Một số khuyến nghị chưa được thực hiện, thực hiện chưa đầy đủ và cụ thể hoặc chưa tương ứng với khuyến nghị;

- Công tác giám sát cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài CTĐT của nhiều cơ sở giáo dục chưa hiệu quả, vẫn còn có một số nội dung cải tiến chưa đạt được sản phẩm theo kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do các đơn vị thực hiện kế hoạch cải tiến chưa chú trọng công tác này, bộ phận giám sát cải tiến chưa theo dõi sát sao và quyết liệt;

- Hệ thống phần mềm quản lý và nền tảng CNTT để thực hiện số hóa công tác bảo đảm chất lượng CTĐT đang còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ nên ảnh hưởng lớn đến việc lưu trữ minh chứng, cách thức và mục đích sử dụng, liên thông các phần mềm... phục vụ

công tác kiểm định và cải tiến chất lượng CTĐT.

3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT cho các cơ sở giáo dục đại học

a. Tăng cường các hoạt động rà soát, giám sát và cải tiến liên lục chương trình đào tạo

Bộ phận BDCL là bộ phận tư vấn, hỗ trợ các đơn vị đào tạo khi xây dựng kế hoạch cải tiến sau đánh giá ngoài, lập bảng kế hoạch cải tiến bao gồm những nội dung cụ thể như: nội dung cần cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn Đánh giá ngoài và Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục; các hoạt động cải tiến của CTĐT; sản phẩm dự kiến đạt được; đơn vị/cá nhân thực hiện; thời gian thực hiện... chú ý biểu mẫu phù hợp với biểu mẫu báo cáo giữa kỳ hoạt động cải tiến chất lượng theo yêu cầu của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục nhằm thực hiện đúng và có sản phẩm cụ thể để sau này hoàn thiện báo cáo giữa kỳ. Kế hoạch cải tiến cần bám sát nội hàm các khuyến nghị của chuyên gia cho từng tiêu chuẩn, tiêu chí; cần tham mưu, đề xuất công cụ giám sát quá trình triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng các CTĐT một cách hiệu quả hơn. Cần xây dựng quy trình cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài CTĐT theo tiêu chuẩn ISO để việc triển khai, giám sát và báo cáo kết quả được thuận lợi và đạt hiệu quả như mong đợi;

Trong quá trình xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng cần quan tâm đến nguồn lực, tính khả thi của kế hoạch khi triển khai; cần có hoạt động tổng kết, đánh giá sau khi hoàn thành kế hoạch cải tiến chất lượng để rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình;

Các đơn vị cần phối hợp với bộ phận BDCL và các đơn vị liên quan rà soát lại kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT. Giám sát việc thực hiện kế hoạch của đơn vị mình theo đúng tiến độ đã đề ra, lưu ý các nhóm giải pháp chung, tổng thể của Nhà trường để đảm bảo công tác cải tiến chất lượng liên tục được thực hiện.

Việc rà soát CTĐT nhằm cải tiến nâng cao chất lượng phải được đặt lên hàng đầu và thực hiện thường xuyên, liên tục. Với mục tiêu không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội, cần đưa hoạt động rà soát và cải tiến CTĐT vào trong các chương trình công tác năm của Nhà trường, của bộ phận BDCL và của các đơn vị đào tạo;

Các đơn vị đào tạo, giảng viên thuộc các CTĐT cần thực hiện rà soát chuẩn đầu ra CTĐT theo từng nội dung như: Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO), sự phù hợp trong ma trận biểu diễn mức độ đáp ứng của từng học phần đối với các PLO; Sự phù hợp giữa PLO với mục tiêu đào tạo, sứ mạng và tầm nhìn của trường; Các PLO được cải tiến theo hướng đo lường đánh giá và phù hợp với trình độ đào tạo, cần diễn đạt theo các mức phân loại của Bloom trong các miền nhận thức, xúc cảm, tâm vận động; Chương trình dạy học, đề cương chi tiết học phần trong đó đặc biệt chú ý đến phương pháp giảng dạy, đánh giá để tăng mức độ đáp ứng của các học phần với các PLO;

Từ việc rà soát cần chỉ rõ những mặt mạnh và hạn chế của CTĐT để phát huy và khắc phục, đặc biệt chú trọng đến hệ thống thông tin dữ liệu về kiểm tra đánh giá, đề cương chi tiết các môn học có mối liên hệ chặt chẽ với cấu trúc CTĐT. Các trao đổi, thảo luận trong các buổi rà soát cần đề cập đến việc thực hiện đối sánh PLO với Khung trình độ quốc

gia, tầm quan trọng của rubric (phiếu đánh giá), quy trình đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra học phần và CTĐT;

Bên cạnh đó, các CTĐT cần kịp thời điều chỉnh bổ sung những nội dung theo ý kiến các bên liên quan đặc biệt là ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng, người học, giảng viên. Các phương pháp giảng dạy, học tập được cải tiến để sinh viên bên cạnh việc có kiến thức chuyên môn vững vàng, đạo đức trong sáng, lòng nhân ái thì khả năng sáng tạo, thích ứng cũng được nâng cao để sẵn sàng tiếp nhận tinh hoa và tri thức của nhân loại, hội nhập vào môi trường làm việc đa văn hóa, đa ngôn ngữ. Trước nhu cầu tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp đối với công tác đào tạo và BDCL các CTĐT cần thực hiện kết nối cựu người học qua các cuộc gặp gỡ đại diện doanh nghiệp. Thông qua đợt lấy ý kiến, cán bộ và giảng viên có cơ hội xem xét đánh giá CTĐT một cách hệ thống và sâu sắc hơn. Trên cơ sở những khuyến nghị, cán bộ và giảng viên sẽ không ngừng cập nhật, cải tiến để nâng tầm chất lượng CTĐT đáp ứng nhu cầu của xã hội, xứng tầm với sự phát triển của Nhà trường trong tình hình mới.

b. Chuyển đổi số - ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Trong thời đại Cách mạng 4.0, các cơ sở giáo dục đại học cần áp dụng công nghệ kỹ thuật vào trong tất cả các hoạt động nhằm nâng cao hiệu suất và giảm thiểu chi phí, phát triển bền vững mọi tài nguyên bên trong và bên ngoài. Theo đó, công tác cải tiến chất lượng các CTĐT phải được thực hiện chuyển đổi số nhằm tạo ra bước phát triển về chất, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới hoặc phương thức đào tạo mới tốt hơn để nâng cao vị thế của cơ sở giáo dục;

Trên cơ sở chuyển đổi số, hệ thống thông tin, dữ liệu về các CTĐT cần phải được tổ chức trên hệ thống phần mềm lưu trữ online, đảm bảo tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên đều có thể truy cập sử dụng dù ở bất cứ đâu, cập nhật thông tin, phối hợp giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện và hiệu quả. Thông tin, dữ liệu được tổ chức có cấu trúc thư mục theo đặc tính quản lý như: Văn bản quản lý (lưu trữ hệ thống văn bản quản lý làm căn cứ cơ sở cho quá trình thực hiện trong bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục); Danh mục các tiêu chuẩn, tiêu chí (sử dụng để lấy thông tin, phục vụ cho quá trình tự đánh giá, lấy thông tin mốc chuẩn hỗ trợ cấu trúc viết báo cáo); Hồ sơ tự đánh giá (tập hợp lưu trữ, hồ sơ tự đánh giá theo đúng tiến trình, kiểm tra tính hợp lệ, tính đầy đủ và cập nhật của hồ sơ); Báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài, báo cáo rà soát cải tiến...;

Bên cạnh đó, cần phải thay đổi tác phong làm việc của cán bộ, giảng viên và nhân viên, nâng cao năng lực ứng dụng CNTT trong giải quyết công việc chuyên môn; mọi vị trí công tác đều bắt buộc phải sử dụng các công cụ hỗ trợ làm việc cá nhân, công cụ giao việc, email, Google Driver, kho tri thức dùng chung... nhằm tăng hiệu suất làm việc và tận dụng hết sức mạnh từ tri thức cho toàn bộ hệ thống. Chuyển đổi số không phải là tập hợp các ứng dụng CNTT mà là thay đổi phương thức quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng với ứng dụng công nghệ số. Chuyển đổi số phải gắn với tư duy số. Không những số hóa quy trình, thao tác mà còn phải số hóa cả tư duy. Một trong những lợi ích của việc chuyển đổi số là khả năng theo dõi và phân tích dữ liệu. Việc này cho phép các đơn vị sử dụng những dữ liệu để tối ưu hóa các chiến lược và sách lược nhằm mang

lại kết quả tốt hơn. Bên cạnh đó, việc quyết định mọi hoạt động dựa trên dữ liệu còn giúp tổ chức hiểu hơn nhu cầu khách hàng, từ đó tạo ra những phản hồi và cải tiến kịp thời, phù hợp, linh hoạt hơn;

Trong chuyển đổi số, dữ liệu (bao gồm cả ghi nhận, thu thập, tích lũy và khai thác) sẽ đóng vai trò trung tâm. Để ứng dụng vận hành theo mô hình số trong cải tiến CTĐT, dữ liệu dạng số cần phải được xây dựng và lưu trữ đầy đủ và các dữ liệu này có khả năng lưu trữ, xử lý tập trung. Đồng thời các dữ liệu của các đơn vị trong cơ sở giáo dục đều có khả năng kết nối với nhau trong không gian, môi trường chung để tạo ra giá trị và đem lại hiệu quả sử dụng. Dữ liệu được xem là tài sản chung và việc chuyển đổi số các CTĐT nhằm gia tăng chất lượng giáo dục, thay đổi cách thức làm việc giúp từng đơn vị thích ứng với sự thay đổi, phát triển vững mạnh trong xã hội số. Ngoài ra, cần xây dựng văn hoá lưu trữ thông tin dữ liệu đến từng cá nhân, đơn vị, giúp các cá nhân, đơn vị có thông tin để đánh giá và cải tiến liên tục. Trong công tác tham mưu của các bộ môn, khoa, phòng, ban cho quản lý, lãnh đạo cơ sở giáo dục cần căn cứ vào dữ liệu thực tế và kết quả phân tích dữ liệu;

Ngày nay, việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý chất lượng hệ thống nói chung và công tác bảo đảm, kiểm định chất lượng, cải tiến chất lượng CTĐT nói riêng cần phải được xem như một phương tiện hữu ích và hiệu quả, nhằm tăng cường nội lực, tính chủ động của các đơn vị, góp phần hiện đại hóa các công tác trong các cơ sở giáo dục.

c. Tổ chức tập huấn, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề để nâng cao nhận thức và tầm quan trọng của công tác phát triển, bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng và cải tiến chất lượng CTĐT

Các cơ sở giáo dục phải luôn quan tâm phát triển và bảo đảm chất lượng CTĐT qua hoạt động bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và nghiên cứu phát triển. Bộ phận BĐCL cần tham mưu tổ chức các hội thảo và các khóa tập huấn về bảo đảm và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và CTĐT cho toàn bộ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong toàn Trường. Thông qua đó, cán bộ, giảng viên được trang bị, cập nhật bổ sung tri thức mới đồng thời phát triển kỹ năng thực hành viết báo cáo tự đánh giá CTĐT, phân tích mức độ đáp ứng mốc chuẩn và các minh chứng tối thiểu của báo cáo tự đánh giá. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, đưa ra hướng và công cụ cải tiến nhằm BĐCL nội bộ cũng như chuẩn bị tốt nhất cho công tác kiểm định chất lượng CTĐT. Các kiến thức tối thiểu mà cán bộ, giảng viên cần biết bao gồm: Phương pháp xây dựng CTĐT hiệu quả; Xây dựng các chuẩn đầu ra của CTĐT và học phần; Đo lường đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra; Quy trình rà soát, cải tiến liên tục nhằm bảo đảm chất lượng CTĐT; Sử dụng CNTT trong phát triển và cải tiến CTĐT.

d. Xây dựng và lan tỏa văn hóa chất lượng trong công tác cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Xây dựng văn hóa chất lượng nhằm hình thành ý thức tự giác làm việc đạt chất lượng cao nhất trong mỗi thành viên. Đây là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, có khoa học của các chủ thể trong cơ sở giáo dục đến các đối tượng xây dựng nhằm hình thành nền văn hóa chất lượng theo một mô hình xác định.

Để xây dựng được văn hóa chất lượng cần hình thành tác phong và ý thức làm việc tích cực, chủ động, nghiêm túc và luôn xem trọng hiệu quả đạt được của công việc. Chủ động trong việc tìm kiếm kiến thức, kỹ năng hoàn thành công việc nhưng cũng đồng thời biết phối hợp với đồng nghiệp, sẵn sàng hợp tác, chia sẻ, thái độ cầu thị để tạo ra sức mạnh và tinh thần đoàn kết trong tập thể để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đối với công tác BDCL, kiểm định chất lượng nói chung, công tác cải tiến CTĐT nói riêng, văn hóa chất lượng phải được thể hiện trong việc nghiêm túc thực hiện các công việc được phân công, xem công tác cải tiến chất lượng CTĐT là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi cá nhân nhằm nâng cao chất lượng CTĐT, thích ứng với hội nhập và đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.

Trong thời gian tới, các bộ môn, khoa viện, các phòng ban chức năng cần coi trọng công tác cải tiến CTĐT, xem như là một nhiệm vụ chiến lược của đơn vị cần phổ biến tới tất cả cán bộ, viên chức của đơn vị mình và nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn cần trao đổi và hợp tác với bộ phận BDCL để được giải quyết. Đồng thời cần phải phối hợp với các phòng ban chức năng để thu thập minh chứng, cụ thể hóa kế hoạch cải tiến bằng các hoạt động rõ ràng và có minh chứng.

4. Kết luận

CTĐT được xem là “xương sống” của toàn bộ hoạt động đào tạo ở các cấp độ khác nhau trong trường đại học. Bảo đảm và kiểm định chất lượng CTĐT đã trở thành “văn hóa chất lượng” trong các cơ sở giáo dục đại học hiện nay. Chất lượng các lĩnh vực đào tạo được duy trì nếu xây dựng được các CTĐT đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan, không ngừng cải tiến, ra quyết định phù hợp theo các quy trình đã công bố. Đối với công tác cải tiến chất lượng CTĐT ở các cơ sở giáo dục đại học, bên cạnh hệ thống giám sát, rà soát nội bộ tại các đơn vị, bộ phận BDCL thường xuyên triển khai rà soát cải tiến như một hình thức đề tư vấn, giám sát chất lượng, giúp các đơn vị trong Trường hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó cần chú trọng bốn nhóm giải pháp: tăng cường hoạt động giám sát, rà soát và cải tiến liên lục; ứng dụng CNTT; tổ chức tập huấn, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề; xây dựng và lan tỏa văn hóa chất lượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- AUN-QA (2015). *Manual for the Implementation of the guideline (Version 3)*. Bangkok, Thailand.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013). *Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013 Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). *Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 30/6/2020 Ban hành Quy định về chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023). *Danh sách các chương trình đào tạo được đánh giá công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cập nhật đến ngày 30/11/2023.* <https://vqa.moet.gov.vn/vi/thong-bao-quan-ly-bao-dam/thong-bao>.
- ENQA (2021). ENQA - Hiệp hội đảm bảo chất lượng giáo dục Châu Âu. Retrieved from <https://cie.ptit.edu.vn/vi/prog/enqa-hiep-hoi-dam-bao-chat-luong-giao-duc-chau-au/>.
- PDCA (2022). <https://pdca.vn>
- Quốc hội (2018). *Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục.*
- Nguyễn Thị Khánh Trinh, Đặng Thị Vân (2020). Phân tích khung đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo đại học ngành kinh tế dựa vào mô hình CIPO tại Việt Nam. *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, số 136, tr.119-135.
- Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng (2022, 2023). *Báo cáo đánh giá ngoài các chương trình đào tạo.*
- Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội (2013). *Báo cáo đánh giá ngoài các chương trình đào tạo.*
- Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam (2023). *Báo cáo đánh giá ngoài các chương trình đào tạo.*

ABSTRACT

SOLUTIONS TO ENHANCE THE EFFECTIVENESS OF TRAINING PROGRAM QUALITY IMPROVEMENT ACTIVITIES AT VIETNAM'S UNIVERSITIES

Dinh Thi Nga, Hoang Phan Hai Yen

Center for Quality Assurance, Vinh University, Nghe An, Vietnam

Received on 13/10/2023, accepted for publication on 23/11/2023

The training program is a key factor that determines the quality of training, and the quality accreditation of training programs has become a “quality culture” in today's higher education institutions. In the quality accreditation of training programs, emphasis is placed on strong requirements for continuous improvement according to the PDCA cycle (Plan - Do - Check - Act) and quality improvement (Act) is the final step in this cycle to start a new cycle. Program quality improvement is the implementation of solutions to improve input conditions, quality of the process and output quality of the program. By collecting opinions from relevant parties and experts in the field of educational quality accreditation, analyzing self-assessment and external assessment reports, the article clarifies the current situation and proposes solutions to improve the effectiveness of training program quality improvement activities at Vietnam's higher education institutions.

Keywords: Quality improvement; quality assurance; training program; University institution.